

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/HS-ST

Ngày 12-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Tống Xuân Tú.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2026/TLST- HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Vũ Văn C, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1990, tại **xã P, tỉnh Hưng Yên**; số căn cước công dân: 034090010051, ngày cấp: 31/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: **thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông **Vũ Ngọc D** và bà **Nguyễn Thị Hồng T**; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; tiền sự: tại quyết định số 04/QĐ-TA, ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng; bị cáo bị bắt theo quyết định truy tìm số 08 ngày 09/02/2021 của **Công an huyện Q** cũ; chấp hành xong quyết định ngày 20/9/2025.

Nhân thân: tại Quyết định số 2038 ngày 27/8/2012 của **Ủy ban nhân dân tỉnh T** (cũ) áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong quyết định tháng 12/2014. Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2017 của **Công an huyện Q**, tỉnh Thái Bình (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, thi hành xong quyết định ngày 01/01/2018. Quyết định số 267/QĐ-XPVC, ngày 07/11/2022 của **Công an huyện Q**, tỉnh Thái Bình (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi

sử dụng trái phép chất ma túy. Quyết định số 1187/QĐ-UBND, ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Hưng Yên về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, thời hạn 02 năm, từ ngày 23/9/2025. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2026 đến ngày 23/4/2026 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam khu vực Đ, thuộc trại tạm giam số 02, Công an tỉnh H; được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Những người chứng kiến:

1. Ông Bùi Tất K, sinh năm 1966

2. Anh Vũ Văn N, sinh năm 1987

Nơi cư trú: thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên.

(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 10 giờ 20 phút ngày 14/4/2026, tổ công tác Công an xã P, tỉnh Hưng Yên làm nhiệm vụ tại đường T, xã P phát hiện Vũ Văn C có biểu hiện liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra, qua kiểm tra tổ công tác kiểm tra, phát hiện ở túi quần trước bên phải Chính mặc 01 gói giấy màu trắng, kích thước (1,5x1,5)cm, chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục. C khai là gói ma túy, loại Methamphetamine mua với số tiền 450.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu mẫu nước tiểu, niêm phong gói vật chứng để trưng cầu giám định có sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã P, anh Vũ Văn N và ông Bùi Tất K. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Văn C không phát hiện, thu giữ đồ vật gì.

Tại bản kết luận giám định số 1037/KL-KTHS, ngày 18/4/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: “Mẫu nước tiểu gửi giám định không tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa của ma túy”.

Bản kết luận giám định số 1038/KL-KTHS, ngày 18/4/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2493 gam. Methamphetamine, STT: 267 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 28/2026/NĐ-CP, ngày 19/01/2026 của Chính phủ”.

Bản cáo trạng số 92/CT-VKSHYN-KV, ngày 16/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Vũ Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị cáo khai: khoảng 10 giờ ngày 14/4/2026, bị cáo đi bộ ra chân cầu N, thôn T, xã P, tỉnh Hưng Yên để mua ma túy loại Methamphetamine về sử dụng (bị cáo là người mắc nghiện chất ma túy, đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy, không điều trị nghiện chất ma túy bằng thuốc thay thế).

Bị cáo gặp và hỏi mua của người đàn ông không biết danh tính, đeo khẩu trang, mặc áo khoác mũ trùm kín đầu 01 gói giấy màu trắng, kích thước (1,5x1,5)cm, chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục là ma túy loại Methamphetamine với số tiền 450.000 đồng. Sau khi mua được ma túy bị cáo giấu gói ma túy ở túi quần trước bên phải đang mặc, đi bộ về **thôn A, xã P** thì bị tổ công tác **Công an xã P**, tỉnh Hưng Yên kiểm tra người, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quá tang, niêm phong gói ma túy, thu mẫu nước tiểu của bị cáo để giám định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát khẳng định quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo **Vũ Văn C** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo **Vũ Văn C** từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/4/2026; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu để tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo **Vũ Văn C** trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 1038/KL-KTHS của **Phòng K1 công an tỉnh H**. Về án phí: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: lời khai của bị cáo **Vũ Văn C** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** ngày 14/4/2026; biên bản ghi lời khai của người chứng kiến ông **Bùi Tất K** và anh **Vũ Văn N** cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 10 giờ 20 phút ngày 14/4/2026, tại **đường T, xã P, tỉnh Hưng Yên**, bị cáo **Vũ Văn C** có hành vi tàng trữ trái phép trong túi quần trước bên phải 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2493 gam mục đích để sử dụng cho bản thân, bị phát hiện và bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Vũ Văn C** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Điều luật quy định như sau:

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...;

c) Heroine, **C1**, **M**, **A**, Ketamine, **F**, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo **Vũ Văn C** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà bị cáo **Vũ Văn C** thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, ảnh hưởng đến giống nòi và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, có bố đẻ là

ông **Vũ Ngọc D** là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Từ những nhận định trên, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra **Công an tỉnh H** thu giữ của bị cáo **Vũ Văn C** ngày 14/4/2026: bị cáo khai mua của một người mua của người đàn ông không biết danh tính với số tiền 450.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được con người cụ thể đã bán ma túy cho bị cáo **C** nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[8] Về vật chứng của vụ án: toàn bộ số ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** thu giữ, quản lý của bị cáo **C** được niêm phong số 1038/KL-KTHS của **Phòng K1 công an tỉnh H** là vật chứng của vụ án cần tịch thu để tiêu hủy.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn C** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo **Vũ Văn C** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/4/2026.
3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 0,1948 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của giữ của **Vũ Văn C** được niêm phong bì niêm phong hoàn trả sau giám định số 1038/KL-KTHS của **Phòng K1 công an tỉnh H** (toàn bộ vật chứng của vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/4/2026).
4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Vũ Văn C** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo **Vũ Văn C** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND KV 8 tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND KV 8 tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

